

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM

Bản án số: 13/2024/DS-ST.

Ngày: 13-5 -2024.

V/v tranh chấp: "Kiện đòi nợ tiền"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Diệp Duy và bà Chế Thị Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Kiện đòi nợ tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc U.

Địa chỉ: Số N, đường T, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Có mặt".

Bị đơn: Công ty TNHH S.

Trụ sở: Thôn T, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn H. "Vắng mặt".

Địa chỉ: Số N, đường T, phường T, thành phố T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì chị Nguyễn Thị Trúc U trình bày:

Vào năm 2020, ông Phạm Phúc T là Giám đốc Công ty TNHH S có vay tiền của chị 03 lần để thanh toán tiền lương cho công nhân và tiền điện sản xuất của nhà máy, cụ thể: ngày 23/6/2020 vay 100.000.000 đồng; ngày 11/8/2020 vay 100.000.000 đồng và ngày 14/11/2020 vay 150.000.000 đồng. Đến ngày 13/11/2020 thì ông T với tư cách là giám đốc Công ty S, có ký giấy vay tiền của 03 lần vay trên, đóng dấu của Công ty và hẹn đến 31/01/2021 sẽ trả cho chị. Lãi suất vay 1,6%/tháng. Đến hạn Công ty không trả tiền cho chị, chị đã liên hệ với ông T nhiều lần nhưng ông T đều hứa hẹn mà không trả tiền cho chị. Sau này, chị được biết ông Đoàn Văn H là Giám đốc nhưng chị nghĩ ông T là người trực tiếp ký nhận tiền của chị và việc vay tiền là để sử dụng cho Công ty, ông T vẫn là thành viên của Công ty nên chị đã liên lạc với ông T để đòi tiền, đều không có kết quả. Chị yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH S phải trả chị số tiền gốc vay

ba lần là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính từ ngày đến hạn 31/01/2021 đến ngày 01/02/2024 là 36 tháng x 1,6%/tháng = 201.600.000 đ (*Hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm nghìn đồng*); về tiền chậm thi hành án chi yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS); Án phí dân sự sơ thẩm chi yêu cầu bị đơn phải chịu.

Đối với bị đơn Công ty TNHH S đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa để bị đơn tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định BLTTDS; bị đơn Công ty TNHH S không thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH S phải trả chi U và tiền lãi với mức lãi suất, thời hạn tính lãi, mà nguyên đơn yêu cầu. Lãi chậm trả thi hành án áp dụng tại Điều 375 BLDS; Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, Công ty TNHH S có trụ sở tại thành phố Kon Tum nên Tòa án nhân dân thành phố K giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Việc đại diện VKS tại phiên tòa đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn Công ty TNHH S.

[2] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của chi U buộc yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH S phải trả chi số tiền gốc vay ba lần là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi khởi kiện Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc khởi kiện, thông báo phiên hòa giải để bị đơn tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 BLTTDS, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ

án để giải quyết và bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, căn cứ giấy vay tiền mà ông Phạm Phúc T, với chức vụ là Giám đốc Công ty TNHH S ký đóng dấu; nội dung vay tiền để trả tiền lương cho công nhân và tiền điện sản xuất của nhà máy; Đồng thời, theo Công văn số: 634/SKHĐT-ĐKKD ngày 06/3/2024 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum trả lời Tòa án thì vào năm 2020 người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S là ông Phạm Phúc T. Do đó, số tiền vay, mục đích vay được người đại diện theo pháp luật ký nhận hợp pháp. Căn cứ Điều 463, 466 và 470 BLDS yêu cầu khởi kiện nêu trên của chị U đối với Công ty TNHH S là có căn cứ và đúng pháp luật cần chấp nhận chấp nhận.

- Đối với yêu cầu lãi suất mà chị U buộc Công ty TNHH S số tiền là 201.600.000 đ (*Hai trăm lẻ một triệu, sáu trăm nghìn đồng*), với mức lãi suất 1,6%/ tháng, thời gian tính từ ngày đến hạn trả tiền 31/01/2021 đến ngày 01/02/2024 là 36 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vay tiền được thể hiện trong giấy vay tiền mà người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã ký kết có thể hiện lãi, mức lãi 1,6%/tháng; việc vay tiền có thời hạn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 thì mức lãi suất, thời hạn tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi, số tiền lãi mà chị uyên buộc bị đơn phải trả nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

* Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi Công ty TNHH S phải trả chị Nguyễn Thị Trúc U là 551.600.000 đồng.

- Về tiền lãi chậm trả thi hành án, chị Uyên yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 468 BLDS là đúng pháp luật tại Điều 357 BLDS cần chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án là đúng với quy định của pháp luật. Do yêu cầu của chị U được chấp nhận nên buộc Công ty TNHH S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 551.600.000 đồng x 5% = 26.064.000 đồng (*Hai sáu triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn đồng*); nguyên đơn chị U không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử: *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc U.*

1. Buộc Công ty TNHH S phải trả cho chị Nguyễn Thị Trúc U số tiền là 551.600.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ trả tiền chưa trả đủ số tiền phải trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

- Công ty TNHH S phải chịu 26.064.000 đồng (*Hai sáu triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Trúc U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại anh chị Nguyễn Thị Trúc U số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.752.000 đ (*Mười hai triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai số 0001416 ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 5 năm 2024), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm; Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND Tp Kon Tum;
- Chi cục THADS Tp Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung